

Số: 144/KH-UBND

Tam Nông, ngày 10 tháng 7 năm 2020

### **KẾ HOẠCH**

#### **Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, hạng III lên hạng II đối với giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (Thông tư số 12/2012/TT-BNV); Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non (Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV); Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập (Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV); Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập (Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV);

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập; Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; Công văn số 320/UBND-KGVX ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc áp dụng quy đổi tương đương đối với trình độ ngoại ngữ trong tuyển dụng, thăng hạng viên chức kể từ năm 2018;

Căn cứ Công văn số 264/SGDĐT-TCCB ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Sở

Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định phân cấp, phân công về quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Tam Nông xây dựng Kế hoạch tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, hạng III lên hạng II đối với giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN**

### **1. Mục đích**

- Thực hiện bố trí đúng vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực của viên chức và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đảm bảo kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ viên chức ngành Giáo dục.

- Động viên, khuyến khích viên chức ngành Giáo dục học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

### **2. Yêu cầu**

- Đảm bảo được các yêu cầu về quản lý viên chức chuyên ngành quy định tiêu chuẩn, nghiệp vụ các chức danh nghề nghiệp của viên chức.

- Đảm bảo đúng quy chế, quy định thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, khách quan, công khai dân chủ, minh bạch và đúng đối tượng theo quy định.

- Đơn vị có nhu cầu, có vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp thi thăng hạng.

### **3. Nguyên tắc**

- Việc cử giáo viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp, nhu cầu của các cơ sở giáo dục công lập và tình hình thực tế của địa phương.

- Giáo viên được tham dự thi thăng hạng từ hạng thấp lên hạng cao hơn liền kề cùng chức danh nghề nghiệp đang giữ.

- Giáo viên dự thi thăng hạng phải có đủ hồ sơ và các minh chứng theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận thì minh chứng là xác nhận của cơ quan sử dụng giáo viên về năng lực của giáo viên đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí đó.

- Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải bình đẳng, công

khai, minh bạch, khách quan và đúng quy định của pháp luật.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ THI**

### **1. Đối tượng dự thi**

Đối tượng dự thi: là viên chức giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) đang làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của UBND huyện.

*1.1. Giáo viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) giáo viên Mầm non hạng III:* là giáo viên đang giữ CDNN giáo viên Mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06), hiện đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên Mầm non hạng III (mã số V.07.02.05) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

*1.2. Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên Mầm non hạng II:* là giáo viên đang giữ CDNN giáo viên Mầm non hạng III (mã số V.07.02.05), hiện đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên Mầm non hạng II (mã số V.07.02.04) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

*1.3. Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên Tiểu học hạng III:* là giáo viên đang giữ CDNN giáo viên Tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09), hiện đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên Tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

*1.4. Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên Tiểu học hạng II:* là giáo viên đang giữ CDNN giáo viên Tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08), hiện đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên Tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07) quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

*1.5. Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên Trung học cơ sở hạng II:* là giáo viên đang giữ CDNN giáo viên Trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12), hiện đang làm việc tại đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên Trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11) quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

### **2. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi**

Giáo viên dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

**2.1.** Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.

**2.2.** Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

**2.3.** Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng đăng ký dự thi, cụ thể như sau:

*a. Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên Mầm non từ hạng IV lên hạng III:*

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên Mầm non hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm mầm non trở lên.

+ Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*gọi tắt là trình độ ngoại ngữ bậc 2*) hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên hoặc tương đương. Chứng chỉ trình độ tiếng Anh được cấp từ các Trường Đại học hoặc Trung tâm ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận và cấp phép.

+ Có trình độ Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (*gọi tắt là trình độ tin học đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản*) hoặc chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên đối với các khoá đào tạo, cấp Chứng chỉ Tin học ứng dụng A, B, C (theo Quyết định số 21/2000/QĐ-BGDĐT ngày 03 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tin học ứng dụng A, B, C) đang triển khai trước ngày Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 có hiệu lực (*gọi tắt là chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên*).

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên Mầm non hạng III.

- Được cấp có thẩm quyền xác nhận có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm giáo viên Mầm non hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục Mầm non.

+ Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục Mầm non.

+ Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

+ Được công nhận là Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên.

+ Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên Mầm non hạng IV lên chức danh giáo viên Mầm non hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên Mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên Mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Mầm non trước khi thi thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

*b. Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên Mầm non từ hạng III lên hạng II:*

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên Mầm non hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm Mầm non trở lên.

+ Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên hoặc tương đương. Chứng chỉ trình độ tiếng Anh được cấp từ các Trường Đại học hoặc Trung tâm ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận và cấp phép.

+ Có trình độ Tin học đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên Mầm non hạng II.

- Được cấp có thẩm quyền xác nhận có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm giáo viên Mầm non hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục Mầm non.

+ Thực hiện sáng tạo, linh hoạt chương trình giáo dục Mầm non; hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục Mầm non.

+ Tích cực chủ động phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên.

+ Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên Mầm non hạng III lên chức danh giáo viên Mầm non hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh giáo viên Mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên Mầm non hạng III từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp Đại học sư phạm Mầm non trước khi thi thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

*c. Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên Tiểu học từ hạng IV lên hạng III:*

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên Tiểu học hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Tiểu học hoặc Cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên.

+ Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên hoặc tương đương. Chứng chỉ trình độ tiếng Anh được cấp từ các Trường Đại học hoặc Trung tâm ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận và cấp phép.

*Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*

+ Có trình độ Tin học đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên Tiểu học hạng III.

- Được cấp có thẩm quyền xác nhận có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm giáo viên Tiểu học hạng III theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục Tiểu học.

+ Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục Tiểu học.

+ Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh Tiểu học.

+ Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh Tiểu học.

+ Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên.

+ Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên.

+ Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên Tiểu học hạng IV lên chức danh giáo viên Tiểu học hạng III phải có thời gian giữ chức danh giáo viên Tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên Tiểu học hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm trước khi thi thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

*d. Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên Tiểu học từ hạng III lên hạng II:*

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên tiểu học hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số

21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm Tiểu học hoặc Đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên.

+ Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên hoặc tương đương. Chứng chỉ trình độ tiếng Anh được cấp từ các Trường Đại học hoặc Trung tâm ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận và cấp phép.

*Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*

+ Có trình độ Tin học đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên Tiểu học hạng II.

- Được cấp có thẩm quyền xác nhận có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm giáo viên Tiểu học hạng II theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục Tiểu học.

+ Hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục Tiểu học.

+ Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh Tiểu học của đồng nghiệp.

+ Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh Tiểu học.

+ Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện trở lên.

+ Được công nhận là Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên.

+ Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên Tiểu học hạng III lên chức danh giáo viên Tiểu học hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên Tiểu học hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên Tiểu học hạng III từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp Đại học sư phạm trước khi thi thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

*e. Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên Trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II:*

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên Trung học cơ sở hạng II theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên

tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên Trung học cơ sở.

+ Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 hoặc chứng chỉ tiếng Anh trình độ B trở lên hoặc tương đương. Chứng chỉ trình độ tiếng Anh được cấp từ các trường Đại học hoặc trung tâm ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận và cấp phép.

*Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*

+ Có trình độ Tin học đạt chuẩn công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ Tin học trình độ A trở lên.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên Trung học cơ sở hạng II.

- Được cấp có thẩm quyền xác nhận có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm giáo viên Trung học cơ sở hạng II theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, cụ thể:

+ Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục Trung học cơ sở.

+ Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình, giáo dục Trung học cơ sở.

+ Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh Trung học cơ sở.

+ Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp học sinh Trung học cơ sở.

+ Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh Trung học cơ sở.

+ Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên.

+ Có khả năng đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh Trung học cơ sở.

+ Được công nhận là Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên.

+ Giáo viên thăng hạng từ chức danh giáo viên Trung học cơ sở hạng III lên chức danh giáo viên Trung học cơ sở hạng II phải có thời gian giữ chức danh giáo viên Trung học cơ sở hạng III hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hạng III từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp Đại học sư phạm hoặc Đại học các chuyên



ngành khác phù hợp với bộ môn giảng dạy từ đủ 01 (một) năm trở lên.

### **III. NHU CẦU THĂNG HẠNG**

Cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn huyện hiện tại như sau:

Giáo viên Mầm non hạng IV: 112/256, tỷ lệ 43,75%.

Giáo viên Mầm non hạng III: 101/256, tỷ lệ 39,45%.

Giáo viên Mầm non hạng II: 43/256, tỷ lệ 16,80%.

Giáo viên Tiểu học hạng IV: 30/551, tỷ lệ 5,44%.

Giáo viên Tiểu học hạng III: 184/551, tỷ lệ 33,39%.

Giáo viên Tiểu học hạng II: 337/551, tỷ lệ 61,17%.

Giáo viên Trung học cơ sở hạng III: 99/306, tỷ lệ 32,35%.

Giáo viên Trung học cơ sở hạng II: 207/306, tỷ lệ 67,65%.

Qua tổng hợp báo cáo từ các đơn vị Trường học thuộc Huyện quản lý, nhu cầu thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở đối với chức danh tương đương ngạch Cán sự, Chuyên viên năm 2020 là **78 người**, cụ thể như sau:

1. Nhu cầu thăng hạng CDNN giáo viên Mầm non hạng IV lên hạng III: 26 người.
2. Nhu cầu thăng hạng CDNN giáo viên Mầm non hạng III lên hạng II: 20 người.
3. Nhu cầu thăng hạng CDNN giáo viên Tiểu học hạng IV lên hạng III: 02 người.
4. Nhu cầu thăng hạng CDNN giáo viên Tiểu học hạng III lên hạng II: 09 người.
5. Nhu cầu thăng hạng CDNN giáo viên Trung học cơ sở hạng III lên hạng II: 21 người.

### **IV. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THI**

#### **1. Đối với kỳ thi thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng IV lên hạng III**

Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng IV lên hạng III (*giáo viên Mầm non, Tiểu học từ hạng IV lên hạng III*) phải dự thi đủ các môn thi sau:

##### **1.1. Môn kiến thức chung**

a. *Hình thức thi:* trắc nghiệm trên giấy.

b. *Thời gian thi:* 30 phút.

c. *Nội dung thi:* kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên dự thi về Luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, những vấn đề cơ bản về cơ sở giáo dục và giáo viên theo cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu

biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%.

### **1.2. Môn chuyên môn, nghiệp vụ**

*a. Hình thức thi:* trắc nghiệm trên giấy.

*b. Thời gian thi:* 45 phút.

*c. Nội dung thi:* kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng III; trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III; năng lực phân tích, đánh giá các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng III gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

### **1.3. Môn ngoại ngữ**

*a. Hình thức thi:* trắc nghiệm trên giấy.

*b. Thời gian thi:* 45 phút.

*c. Nội dung:* kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết của giáo viên dự thi ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

*d. Ngoại ngữ dự thi:* giáo viên dự thi đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

### **1.4. Môn Tin học**

*a. Hình thức thi:* trắc nghiệm trên giấy.

*b. Thời gian:* 45 phút.

*c. Nội dung thi:* kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III.

## **2. Đối với kỳ thi thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng III lên hạng II**

Giáo viên dự thi thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng III lên hạng II (*giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở từ hạng III lên hạng II*) phải dự thi đủ các môn thi sau:

### **2.1. Môn thi kiến thức chung**

*a. Hình thức thi:* trắc nghiệm trên giấy.

*b. Thời gian thi:* 45 phút.

*c. Nội dung thi:* kiểm tra kiến thức, năng lực hiểu biết của giáo viên về luật Viên chức, pháp luật chuyên ngành, quan điểm, chủ trương và các chỉ đạo của

Ngành về cấp học hiện đang giảng dạy. Vận dụng các kiến thức, hiểu biết về các vấn đề nêu trên để đưa ra giải pháp đối với các vấn đề nảy sinh trong thực tế của cấp học phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về pháp luật viên chức là 30%; về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%.

## **2.2. Môn chuyên môn, nghiệp vụ**

*a. Hình thức thi:* trắc nghiệm trên giấy.

*b. Thời gian thi:* 45 phút.

*c. Nội dung thi:* kiểm tra hiểu biết của giáo viên dự thi về nhiệm vụ của giáo viên hạng II; trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên dự thi theo yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II; năng lực đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giáo viên hạng II gắn với yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II và thực trạng giáo dục theo cấp học hiện đang giảng dạy tại địa phương.

## **2.3. Môn ngoại ngữ**

*a. Hình thức thi:* trắc nghiệm trên giấy.

*b. Thời gian thi:* 45 phút.

*c. Nội dung:* kiểm tra các kỹ năng đọc hiểu, viết của giáo viên dự thi ở trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

*d. Ngoại ngữ dự thi:* giáo viên dự thi đăng ký thi một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Đối với giáo viên dạy một trong các ngoại ngữ nêu trên thì phải thi ngoại ngữ thứ 2 ở trình độ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

## **2.4. Môn Tin học**

*a. Hình thức thi:* trắc nghiệm trên giấy.

*b. Thời gian:* 45 phút.

*c. Nội dung thi:* kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II.

## **V. TRƯỜNG HỢP MIỄN THI MÔN NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC TRONG KỲ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN (chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II; từ hạng IV lên hạng III)**

**1. Miễn thi ngoại ngữ đối với giáo viên dự thi thuộc một trong các trường hợp sau**

**1.1.** Giáo viên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ.

**1.2.** Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng Đại học, bằng Thạc sĩ hoặc bằng Tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng

một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

**1.3.** Có bằng tốt nghiệp Đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc.

**1.4.** Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giáo viên từ hạng IV lên hạng III; Có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương cấp B1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL iBT 45 điểm, IELTS 4,5 điểm trở lên đối với thi thăng hạng giáo viên từ hạng III lên hạng II.

**2.** Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ có quy định thời hạn sử dụng thì việc miễn thi theo quy định tại khoản 1, mục V kế hoạch này được tính theo thời hạn ghi trên chứng chỉ và giá trị thời hạn của chứng chỉ đó tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi.

Đối với những chứng chỉ ngoại ngữ chưa có quy định thời hạn sử dụng thì giá trị của chứng chỉ được chấp nhận cho đến khi có sự thay đổi về quy định thời hạn sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ đó của cơ quan có thẩm quyền.

**3.** Đối với giáo viên giảng dạy môn ngoại ngữ thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại khoản 1, mục V kế hoạch này phải là ngôn ngữ khác với ngoại ngữ đang giảng ở trình độ tương đương.

**4.** Miễn thi Tin học đối với giáo viên dự thi đã tốt nghiệp từ Trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

## **VI. XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**

**1.** Giáo viên trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải dự thi đủ các bài thi của các môn thi, trừ những môn được miễn thi theo quy định của pháp luật; có số điểm của mỗi bài thi đạt từ 50 điểm trở lên, các bài thi được chấm theo thang điểm 100.

**2.** Giáo viên không trúng tuyển trong kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 1, mục VI không được bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

## **VII. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ THI**

### **1. Nội dung hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng**

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của giáo viên được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, do Phòng GD&ĐT phát hành; thành phần hồ sơ bao gồm:

**1.1.** Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Mẫu số 01).

**1.2.** Bản sơ yếu lý lịch của viên chức có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức theo mẫu sơ yếu lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ (Mẫu số 02).

**1.3.** Bản nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất (các năm học: 2016 - 2017; 2017 - 2018; 2018 - 2019) của người có thẩm quyền (Mẫu số 03).

**1.4.** Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, quyết định theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, gồm:

a. Bằng tốt nghiệp chuyên môn nghiệp vụ.

b. Quyết định tuyển dụng và bổ nhiệm ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp chính thức; các quyết định thay đổi ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp (nếu có); quyết định bổ nhiệm ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

c. Quyết định lương hiện hưởng.

d. Quyết định được công nhận là chiến sĩ thi đua cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi có thành tích từ cấp trường trở lên (Giấy chứng nhận Chiến sĩ thi đua hoặc Giấy công nhận giáo viên dạy giỏi từ cấp trường trở lên).

đ. Chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi.

e. Các văn bản khác theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi và văn bằng, chứng chỉ miễn thi môn ngoại ngữ và tin học theo quy định.

Hồ sơ được sắp xếp theo đúng thứ tự nêu trên, đựng trong túi bằng bìa cứng cỡ 25cm x 34cm, bên ngoài ghi rõ: Hồ sơ đăng ký thi thăng hạng năm 2020, họ và tên của người đăng ký dự thi, thống kê đầy đủ danh mục các giấy tờ có trong hồ sơ và số điện thoại cần liên hệ.

## **2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi**

**2.1.** Phòng GD&ĐT chịu trách nhiệm xem xét, tham mưu UBND huyện quyết định danh sách giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ thi và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi theo quy định.

**2.2.** Thủ trưởng các đơn vị cử giáo viên dự thi thăng hạng và giáo viên dự thi thăng hạng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự thi thăng hạng. Mọi gian dối, khai man, thiếu trung thực liên quan đến nội dung hồ sơ dự thi thăng hạng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **VIII. QUY TRÌNH TỔ CHỨC KỲ THI**

### **1. Thông báo, phổ biến Kế hoạch thi thăng hạng**

Căn cứ Kế hoạch này, Phòng GD&ĐT thông báo, phổ biến công khai về đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện dự thi để giáo viên đăng ký tham gia dự thi theo quy định.

## **2. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi**

Phòng GD&ĐT (qua ông Nguyễn Quang Trung, chuyên viên Tổ Hành chính - Tổ chức, số điện thoại cơ quan: 02773 507828; di động: 0847585860) tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, tổng hợp danh sách giáo viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi; trình UBND huyện phê duyệt danh sách giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng; thực hiện niêm yết công khai danh sách tại trụ sở làm việc và thông báo trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

**3. Phí dự thi:** thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

## **4. Thành lập Hội đồng thi thăng hạng (sau đây viết tắt là Hội đồng)**

**4.1.** Chủ tịch UBND huyện thành lập Hội đồng với 07 thành viên, gồm:

4.1.1. Ông Nguyễn Hữu Nghĩa, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện - Chủ tịch Hội đồng.

4.1.2. Ông Lê Phước Hậu, Trưởng Phòng GD&ĐT - Phó Chủ tịch Hội đồng.

4.1.3. Ông Nguyễn Văn Sang, Phó Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện - Ủy viên.

4.1.4. Ông Lê Văn Tha, Phó Trưởng phòng Nội vụ - Ủy viên.

4.1.5. Ông Phạm Quốc Vĩnh, Chuyên viên Văn phòng HĐND&UBND huyện - Ủy viên.

4.1.6. Bà Trần Thị Kim Nhiều, Chuyên viên Phòng Nội vụ - Ủy viên.

4.1.7. Ông Nguyễn Quang Trung, Chuyên viên Phòng GD&ĐT - Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng được sử dụng con dấu của UBND huyện, Phó Chủ tịch Hội đồng sử dụng con dấu của Phòng GD&ĐT trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.

**4.2.** Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP.

**4.3.** Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Quy chế, Nội quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

## **5. Thành lập các bộ phận giúp việc cho Hội đồng**

Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban phúc khảo do Chủ tịch Hội đồng thi thăng hạng thành lập.

## **6. Công tác chuẩn bị kỳ thi**

**6.1.** Trước ngày thi ít nhất 15 ngày, Hội đồng gửi thông báo triệu tập thí sinh dự thi, trong đó: thông báo cụ thể thời gian, địa điểm làm thủ tục dự thi; thu lệ phí thi; thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập (nếu có); thời gian, địa điểm tổ chức thi; hình thức thi, thời gian tổ chức các vòng thi, phần thi, môn thi đến các thí sinh dự thi.

**6.2.** Trước ngày thi ít nhất 01 ngày làm việc, Hội đồng niêm yết danh sách thí sinh theo số báo danh và theo phòng thi, sơ đồ vị trí các phòng thi, nội quy thi, hình thức, thời gian thi đối với từng phần thi, môn thi, nội dung thi tại địa điểm tổ chức thi.

**6.3.** Trước ngày thi ít nhất 01 ngày làm việc, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng phải hoàn thành các công tác chuẩn bị cho kỳ thi như sau:

a. Chia phòng thi và chuẩn bị danh sách thí sinh để gọi vào phòng thi; danh sách để thí sinh ký nộp bài thi.

b. Chuẩn bị các biên bản, gồm: biên bản giao nhận đề thi từ Hội đồng thi cho Tổ in sao đề thi, từ Tổ in sao đề thi cho Ban coi thi, từ Trưởng ban coi thi cho các giám thị phòng thi; biên bản xác nhận tình trạng túi đựng đề thi trước khi cất túi đựng đề thi để phát đề thi; biên bản xử lý vi phạm nội quy, quy chế thi; biên bản giao nhận bài thi và các biên bản khác phục vụ cho công tác thi.

c. Chuẩn bị thẻ cho các thành viên Hội đồng, Ban coi thi, bộ phận phục vụ kỳ thi. Thẻ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng, Trưởng ban coi thi in đầy đủ họ tên và chức danh. Thẻ của các thành viên khác chỉ in chức danh.

## **7. Dự kiến thời gian tổ chức kỳ thi**

**7.1.** Thông báo kế hoạch thi: trước ngày 15 tháng 7 năm 2020.

**7.2.** Tiếp nhận hồ sơ dự thi; thẩm định hồ sơ, lập danh sách: từ ngày 15 tháng 7 đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020.

**7.3.** Phê duyệt danh sách viên chức đủ điều kiện dự thi: trước ngày 05 tháng 8 năm 2020.

**7.4.** Tổ chức thi: dự kiến trong tháng 8 năm 2020.

## **8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và phúc khảo**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi, người dự thi có quyền gửi đơn đề nghị phúc khảo kết quả bài thi đến Hội đồng thi thăng hạng.

Chỉ xem xét, giải quyết đơn đề nghị phúc khảo được gửi trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện đến Hội đồng thi thăng hạng.

Hội đồng thi thăng hạng có trách nhiệm tổ chức chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo chậm nhất là 15 ngày sau ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo. Không phúc khảo đối với đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời gian quy định nêu trên.

## **9. Phê duyệt kết quả kỳ thi**

Sau khi hoàn thành việc chấm phúc khảo (nếu có), Hội đồng thi thăng hạng

tổng hợp báo cáo kết quả kỳ thi và trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt kết quả kỳ thi.

## **10. Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên trúng tuyển kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

Căn cứ thông báo của Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch UBND huyện quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương mới đối với giáo viên đạt kết quả kỳ thi thăng hạng.

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Giao Phòng GD&ĐT là cơ quan Thường trực của Hội đồng thi thăng hạng, có trách nhiệm phối hợp Phòng Nội vụ:**

**1.1.** Tham mưu cho UBND huyện quyết định: thành lập Hội đồng thi thăng hạng theo khoản 4 mục VIII Kế hoạch này.

**1.2.** Dự kiến thành viên và đề nghị Hội đồng thi thăng hạng quyết định thành lập: Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban phúc khảo; hướng dẫn tổ chức thực hiện quy trình thi thăng hạng theo quy chế.

**1.3.** Tiếp nhận, tổng hợp danh sách giáo viên đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự kỳ thi theo đề nghị của các đơn vị trường học và đề nghị UBND huyện phê duyệt danh sách giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng.

**1.4.** Thẩm định danh mục tài liệu ôn thi của tất cả các môn thi để đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử.

**1.5.** Tổ chức thu phí dự thi và sử dụng theo quy định.

### **2. Phòng Nội vụ**

**2.1.** Thẩm định việc xếp hạng, bậc lương mới được bổ nhiệm sau khi có kết quả kỳ thi để Chủ tịch UBND huyện quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp mới đối với giáo viên trúng tuyển kỳ thi thăng hạng.

**2.2.** Phối hợp Phòng GD&ĐT thực hiện các nhiệm vụ có liên quan.

### **3. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Thẩm định kinh phí trên cơ sở đề xuất của Thường trực Hội đồng thi thăng hạng, báo cáo Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định.

### **4. Trung tâm Văn hoá - Thể thao và Truyền thanh**

Thông báo nội dung Kế hoạch này trên sóng truyền thanh huyện để các giáo viên có nhu cầu biết và nghiên cứu đăng ký dự thi.

Trên đây là Kế hoạch thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, hạng III lên hạng II đối với giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện. Giao Phòng GD&ĐT phối hợp Phòng Nội vụ triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về UBND huyện, Sở GD&ĐT và Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp theo quy định.

*Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 22 tháng 4 năm*



*2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tam Nông về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III, hạng III lên hạng II đối với giáo viên Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở./.*

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Sở GD&ĐT;
- TT HU, TT HĐND;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các Phòng: Nội vụ, GD&ĐT, TC-KH;
- Trung tâm VH-TT&TT;
- Trang TTĐT huyện;
- Trang TTĐT Phòng GD&ĐT;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, NCVX<sub>Vĩnh+Tác</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Thanh Sơn**